



PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG /Quality management department.

Đc: Lô C25 KCN Hiệp Phước, X. Hiệp Phước, H. Nhà Bè, TP.HCM
Add: Lot C25, Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Commune, Nha Be District, Hochiminh City, Vietnam
Điện thoại/ Tel: 028. 37818493 - Fax: 028. 37818360

Số/ Serial number: 231 /XMB

Ngày/ date: 22/09/2022

PHIẾU THỬ NGHIỆM XI MĂNG
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: **XI MĂNG POOCLĂNG HỖN HỢP - ĐA DỤNG BAO** Số lô/Lot: 240822
2. Thương hiệu/Brand name: **VICEM HA TIEN**
3. Số lượng mẫu/ Number of sample: 01 mẫu/ 01 sample - Dạng / Kind : Bao (bag) (50±0,5) kg
4. Ngày xuất hàng/Date of dispatching: 24/08/2022 - Khối lượng/ Weigh: 77.75 tấn/tons
5. Ngày lấy mẫu/Date of taking: 24/08/2022
6. Ngày thử nghiệm mẫu/ Date of testing: 25/08/2022
7. Tên khách hàng/Client: Xí nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ-Công ty CP Xi măng Vicem Hà tiên
Địa chỉ / Address: 09-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP.HCM
8. Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method: TCVN 4787:2009 (EN196-7:2007)*
9. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm/Testing environment conditions:
- Phòng thử nghiệm/testing room : t = (27 ± 2) °C, RH > 50%
- Tủ dưỡng mẫu trong khuôn/Humidity cabinet: t = (27 ± 1) °C, RH > 90%
- Bể ngâm mẫu/ Water curing tank: t = (27 ± 1) °C
10. Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TÊN CHỈ TIÊU <i>Characteristic</i>	KẾT QUẢ Test result	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2009 Standard specification requirements	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method
10.1 Cường độ nén-Compressive strength			TCVN 6016:2011
• 03 ngày (days) ± 45 min	MPa 22.9	Không nhỏ hơn 18	
• 28 ngày (days) ± 8h	MPa 42.3	Không nhỏ hơn 40	
10.2 Độ dẻo tiêu chuẩn -Water for normal consistency	% 29.9	KQĐ(not regulated)	TCVN 6017:2015
10.3 Thời gian đông kết- Setting time			TCVN 6017:2015
• Bắt đầu - Initial set	phút/min 158	Không nhỏ hơn 45	
• Kết thúc -Final set	phút/min 188	Không lớn hơn 420	
10.4 Độ nghiền mịn/Fineness:			TCVN 4030:2003
• Sét sàng (Residue) 0.09mm	% 0.4	Không lớn hơn 10	
• Sét sàng (Residue) 0.045mm (*)	5.3	KQĐ(not regulated)	
• Bề mặt riêng, PP Blaine /Separately, Blaine method,	cm ² /g 3912	Không nhỏ hơn 2800	
10.5 Độ ổn định thể tích theo pp Le Chatelier Soundness -Le Chatelier method	mm 0.55	Không lớn hơn 10	TCVN 6017:2015
10.6 Hàm lượng SO ₃ -Sulfur trioxide content	% 1.81	Không lớn hơn 3.5	TCVN 141:2008

Ghi chú/Note: (*) Phép thử không được công nhận/ Unrecognized test.

NHÂN XÉT/ REMARK:

Đạt-Meet the requirements: ☒

Không đạt-None: ☐

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hoàng Văn Đồng



[1] Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với lô hàng/ Test results are valid for the namely submitted lot only.
[2] Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm, ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý của TP.PQLCL/ This test report shall not be reproduced except in full without the written approval of the Manager of Lab.